

**MATHSPACE EDUCATION**  
**DANH SÁCH ĐỒ TRƯỜNG THCS CẦU GIẤY**  
**Học sinh khối 5 khóa 2024-2025**

STT	Họ và tên học sinh	Lớp	Ghi chú
1	Vương Ngọc An	H4.5G3, H6.LĐ.G	Điểm Toán: 9,5
2	Tăng Khánh An	H81.5G3	Điểm Toán: 9,5
3	Lê Mỹ An	H4.5A1, H6.LĐ.A	Điểm Toán: 9,25
4	Thân Mai Anh	M4.5G	Điểm Toán: 8,5
5	Trần Châu Anh	H81.5G3	Điểm Toán: 9
6	Tổng Phương Anh	C71.5G2	<b>Điểm Toán: 10</b>
7	Nguyễn Quỳnh Anh	H4.5G1	
8	Vũ Thị Hiền Anh	H83.5A1, H6.LĐ.A	Điểm Toán: 9
9	Bùi Hùng Anh	H4.5G2	
10	Phạm Bùi Minh Anh	C3.5G2, H2.LĐ.G	Điểm Toán: 9,5
11	Nguyễn Minh Anh	H6.LĐ.A	Điểm Toán: 8,5
12	Nguyễn Trâm Anh	M4.5A	Điểm Toán: 9
13	Nguyễn Diệp Anh	H81.5A1	
14	Đình Gia Bảo	H72.5G2	Điểm Toán: 9,75
15	Nguyễn Minh Châu	H81.5G3, H2.LĐ.G	<b>Điểm Toán: 10</b>
16	Ngô Minh Châu	C3.5G2	
17	Hoàng Minh Châu	C71.5G2	
18	Lê Bảo Châu	H72.5A2	Điểm Toán: 9
19	Ngô Thuỳ Chi	H83.5G3, H6.LĐ.G	Điểm Toán: 9,5
20	Trần Ngọc Minh Chi	H4.5G1	

**MATHSPACE EDUCATION**  
**DANH SÁCH ĐỒ TRƯỜNG THCS CẦU GIẤY**  
**Học sinh khối 5 khóa 2024-2025**

STT	Họ và tên học sinh	Lớp	Ghi chú
21	Nguyễn Khánh Chi	H72.5G3, H6.LĐ.G	Điểm Toán: 8,75
22	Nguyễn Hùng Cường	H81.5A2	Điểm Toán: 9
23	Đào Quang Dũng	H4.5G1	
24	Nguyễn Linh Đan	H83.5G3	Điểm Toán: 9,5
25	Nguyễn Linh Đan	H81.5A4	
26	Nguyễn Trần Duy Hiền	H4.5G2	Điểm Toán: 8,5
27	Đỗ Minh Hoàng	H83.5G2	
28	Nguyễn Huy Hoàng A	H4.5G2	Điểm Toán: 9,5
29	Nguyễn Huy Hoàng B	H4.5G1	
30	Nguyễn Hoàng Huy	C71.5G2	Điểm Toán: 9,75
31	Nguyễn Thế Hưng	H4.5G1	Điểm Toán: 9,5
32	Lê Gia Khải	H4.5G1	Điểm Toán: 9,5
33	Nguyễn Minh Khang	H72.5G2	Điểm Toán: 9,5
34	Trần Hoàng Khang	H81.5G2	Điểm Toán: 9,75
35	Chung Bùi Tấn Khang	H83.5G3	Điểm Toán: 9,75
36	Lê Anh Khoa	H4.5G1	
37	Lê Anh Khôi	H4.5G3	Điểm Toán: 9,75
38	Trần Lê Đăng Khôi	H83.5G2, H6.LĐ.G	<b>Điểm Toán: 10</b>
39	Vũ Thái Kiên	H83.5G3	Điểm Toán: 9,75
40	Nguyễn Vũ Kiên	H4.5G3	Điểm Toán: 9,25

**MATHSPACE EDUCATION**  
**DANH SÁCH ĐỒ TRƯỜNG THCS CẦU GIẤY**  
**Học sinh khối 5 khóa 2024-2025**

STT	Họ và tên học sinh	Lớp	Ghi chú
41	Phạm Chí Kiên	H81.5G2	Điểm Toán: 9,25
42	Bùi Phương Liên	C73.5G2, C6.LĐ.G	
43	Mai Ngọc Bảo Linh	H72.5G2	
44	Nguyễn Ngọc Phương Linh	H4.5G2	Điểm Toán: 9
45	Ngô Khánh Linh	H81.5G2, H6.LĐ.G	<b>Điểm Toán: 10</b>
46	Cao Tuệ Linh	H4.5G3, H6.LĐ.G	
47	Ngô Mai Thảo Linh	H4.5G2	Điểm Toán: 9,25
48	Vũ Đắc Lộc	H4.5G3	
49	Dương Nhật Ban Mai	C73.5A1	
50	Đỗ Bình Minh	H4.5A1B	Điểm Toán: 9,25
51	Bùi Quang Minh	H83.5G2, H2.LĐ.G	Điểm Toán: 9,75
52	Hoàng Thị Bảo Minh	C73.5G2, H2.LĐ.G	Điểm Toán: 9,5
53	Nguyễn Đình Tiến Minh	H72.5G3	
54	Hoàng Đăng Minh	H83.5A1B, H6.LĐ.A	Điểm Toán: 9,75
55	Đỗ Hồng Minh	C73.5A1, C6.LĐ.A	Điểm Toán: 9
56	Thái Nguyễn Duy Minh	H4.5G1	
57	Vũ Hoàng Minh	H72.5G2, H6.LĐ.G	Điểm Toán: 9,25
58	Đào Gia Minh	C71.5G2	Điểm Toán: 9,5
59	Lã Nhật Minh	H4.5G2	
60	Nguyễn Đức Minh	H83.5G3	Điểm Toán: 9,75

**MATHSPACE EDUCATION**  
**DANH SÁCH ĐỒ TRƯỜNG THCS CẦU GIẤY**  
**Học sinh khối 5 khóa 2024-2025**

<b>STT</b>	<b>Họ và tên học sinh</b>	<b>Lớp</b>	<b>Ghi chú</b>
61	Thạch Công Minh	C3.5A1, C6.LĐ.A	
62	Phạm Thảo My	H4.5A1B	Điểm Toán: 8,5
63	Nguyễn Ngọc Danh Nam	H83.5G2, H2.LĐ.G	Điểm Toán: 9,5
64	Phạm Kim Ngân	H83.5G2	Điểm Toán: 8,75
65	Nguyễn Kim Ngân	H83.5G3, H6.LĐ.G	Điểm Toán: 8,5
66	Phạm Khôi Nguyên	H83.5G3	
67	Dương Khôi Nguyên	H83.5G3	Điểm Toán: 9
68	Phạm Thảo Nguyên	H83.5G3; H6.LĐ.G	
69	Ngô Hải Phong	C3.5G2	
70	Nguyễn Quý Phúc	C3.5G2	
71	Dương Bá Đức Phúc	H81.5G2	
72	Nguyễn Văn Gia Phúc	H4.5G1	Điểm Toán: 9
73	Nguyễn Đức Quang	C3.5G2, H2.LĐ.G	
74	Nguyễn Đức Quang	H81.5G2	
75	Lê Minh Quang	H4.5G1	Điểm Toán: 9,75
76	Vũ Minh Quân	C73.5G2	
77	Vũ Thái Sơn	H83.5G3	
78	Trần Đức Thanh	H4.5G1	
79	Tô Minh Thành	H72.5G2, H6.LĐ.G	Điểm Toán: 9
80	Trần Nguyễn Bảo Thi	C73.5G2	Điểm Toán: 9

**MATHSPACE EDUCATION**  
**DANH SÁCH ĐỒ TRƯỜNG THCS CẦU GIẤY**  
**Học sinh khối 5 khóa 2024-2025**

<b>STT</b>	<b>Họ và tên học sinh</b>	<b>Lớp</b>	<b>Ghi chú</b>
81	Bùi Minh Tiến	H83.5G2	Điểm Toán: 9,5
82	Nguyễn Phúc Tín	H83.5G2	
83	Nguyễn Minh Triết	N72.5G	Điểm Toán: 9,25
84	Phan Đoàn Trung	H4.5A1B	
85	Trịnh Đăng Tuấn Trung	H83.5G3	Điểm Toán: 8,75
86	Nguyễn Cao Minh Trung	C73.5A1	Điểm Toán: 9,5
87	Nguyễn Huy Tùng	H81.5A1	Điểm Toán: 9,75
88	Nguyễn Khánh Uyên	C73.5G2	Điểm Toán: 9,5
89	Hoàng Thế Vinh	M4.5G, H2.LĐ.G	Điểm Toán: 8,5
90	Nguyễn Quang Vũ	H4.5G1	Điểm Toán: 9,5
91	Nguyễn Lê Tường Vy	H4.5G2	Điểm Toán: 8,75
92	Nguyễn Lê Tường Vy	H2.LĐ.G	
93	Phan Tường Vũ	MX14.CLC101	